

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 360/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

Anh Hoàng Kim L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Chị Phạm Thị Lệ H, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Kim L và chị Phạm Thị Lệ H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Kim L và chị Phạm Thị Lệ H cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh L, chị H có 01 con chung tên Hoàng Kim T, sinh ngày 06/12/2013. Các bên thỏa thuận giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9/2020.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về thuận tình ly hôn là 150.000đ. Anh L chị H mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thuận tình ly hôn là 75.000đ. Anh L tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ. Án phí về cấp dưỡng nuôi con anh L phải chịu 150.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh L đã nộp theo biên lai số 0005325 ngày 11/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào số tiền án phí anh L phải chịu. Anh L đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thanh Hà